

Nhận diện các tổ chức phi lợi nhuận trong bối cảnh Việt Nam chuyển đổi và hội nhập quốc tế

Nguyễn Đức Chiện¹

Nhận ngày 10 tháng 5 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 7 năm 2021.

Tóm tắt: Tổ chức phi lợi nhuận là thuật ngữ đang thu hút quan tâm của giới khoa học, các nhà quản lý xã hội ở Việt Nam trong những thập niên gần đây. Cho đến nay, Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể trong việc xây dựng cơ sở lý luận, ban hành văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức phi lợi nhuận. Tuy nhiên, còn nhiều tranh luận về bản chất và loại hình các tổ chức phi lợi nhuận tham gia các hoạt động xã hội, vai trò trong quản lý phát triển xã hội. Điều này đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu, tìm hiểu về sự hiện diện của các loại hình tổ chức phi lợi nhuận trong đời sống xã hội ở nước ta hiện nay. Bài viết bàn về các loại hình tổ chức phi lợi nhuận đang hiện diện trong đời sống xã hội và vai trò trong quản lý phát triển, đặc biệt trước bối cảnh Việt Nam đang chuyển đổi và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Hội nhập, tổ chức phi lợi nhuận, Việt Nam.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Non-profit organisation is a term that has been attracting the attention of scientists and social managers in Vietnam in recent decades. Up to now, Vietnam has made considerable efforts in building a theoretical basis and promulgating legal documents related to non-profit organisations. However, there are many debates about the nature and type of non-profit organisations participating in social activities and the role in managing social development. This poses requirement to study the presence of various types of non-profit organisations in social life in our country today. The article discusses the types of non-profit organisations present in social life and their role in development management, especially in the context of Vietnam's transformation and international integration.

Keywords: Integration, non-profit organisation, Vietnam.

Subject classification: Sociology

¹ Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyenducchien1974@gmail.com

1. Đặt vấn đề

“Tổ chức phi lợi nhuận” (TCPLN) là thuật ngữ được phổ dụng trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt trong các tài liệu của tổ chức Liên Hợp Quốc. Cho đến nay, TCPLN vẫn đang là đề tài thảo luận của giới học thuật quốc tế. Theo Henry B. Hansmann định nghĩa: “tổ chức phi lợi nhuận, về thực chất là tổ chức không được phép phân phối thu nhập ròng của mình, nếu có, cho các cá nhân có quyền kiểm soát nó, như các thành viên, quan chức, các giám đốc, hay nhà tài trợ” (Hansmann & Henry B., 1987, tr.27-42). Còn đối với Liên Hợp Quốc, khái niệm “phi lợi nhuận” lúc đầu chỉ được nêu như một trong những điều kiện của tổ chức phi chính phủ (TCPCP) quốc tế. Năm 2003, Liên Hợp Quốc xuất bản cuốn *Cẩm nang về các tổ chức phi lợi nhuận*, trong đó ngoài tiêu chuẩn “phi lợi nhuận”, còn có thêm điều kiện là hoạt động độc lập với chính phủ (United Nations, 2003). Quan niệm này được áp dụng ở nhiều nước phát triển (Brady, Marnie & Trish Tchume, 2008). Cũng theo Liên Hợp Quốc, nội hàm của thuật ngữ này khá rộng, TCPLN được đồng nghĩa với “các tổ chức tự nguyện”, “các tổ chức xã hội dân sự” hay “các tổ chức phi chính phủ” (United Nations, 2003). Trong khi đó, một số nghiên cứu khác chỉ coi các “tổ chức phi lợi nhuận” là một bộ phận của “các tổ chức xã hội dân sự”, các tổ chức xã hội này hoạt động nhưng không vì lợi nhuận (Đình Công Tuấn, 2016). Như vậy, có một số cách hiểu khác nhau về tổ chức phi lợi nhuận, nhưng yếu tố “phi lợi nhuận” là mẫu số chung của tất cả các quan niệm về các TCPLN.

Ở Việt Nam, TCPLN đang thu hút sự quan tâm của giới khoa học và các nhà quản

lý xã hội quan tâm đến các tổ chức xã hội, trong đó có TCPLN. Đáng chú ý là, một số công trình đã bàn thảo về cơ sở lý luận cho hướng nghiên cứu tổ chức xã hội, TCPLN (Đặng Thị Việt Phương, 2004; Thang Văn Phúc & Nguyễn Minh Phương, 2010); đồng thời cho thấy vai trò của tổ chức xã hội, tổ chức phi lợi nhuận trong phát triển cộng đồng, vai trò của nhà nước trong quản lý các tổ chức xã hội này (Thang Văn Phúc & Nguyễn Minh Phương, 2010; Nguyễn Quý Nghi, 2009; Phan Nhạc Linh, 2012; Đoàn Minh Huân, 2016).

Về mặt chính sách, trong một số văn bản của Chính phủ ban hành gần đây, yếu tố “phi lợi nhuận” được nêu rõ trong khái niệm về “tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam” theo Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, các TCPCP nước ngoài hoạt động tại Việt Nam cũng đồng thời là các TCPLN. Đối với các tổ chức của người Việt Nam, yếu tố “phi lợi nhuận” được xác định bằng cụm từ “không vụ lợi” trong khái niệm về Hội. Các điều kiện về “phi lợi nhuận” đối với Hội được quy định rõ tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ (thay thế cho Nghị định 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2003), trong đó Khoản 4 Điều 3 quy định rõ tổ chức Hội “không vì mục đích lợi nhuận”. Khoản 10 Điều 24 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ nêu rõ: “Kinh phí thu được theo quy định tại khoản 11 và khoản 12 Điều 23 của Nghị định này phải dành cho hoạt động của hội theo quy định của điều lệ hội, không được chia cho hội viên”.

Nếu căn cứ vào hệ thống văn bản pháp lý, các Hội ở Việt Nam chính là các TCPLN. Từ đó, có thể khẳng định ở nước ta hiện có nhiều TCPLN, thậm chí các TCPLN đã xuất hiện khá sớm dưới dạng hội nghề nghiệp, các hội ái hữu, các quỹ từ thiện, các tổ chức phát triển cộng đồng theo lứa tuổi, theo giới, theo sở thích, theo dòng tộc... Đây chính là các nhóm, phường, hội được người dân lập ra hoạt động mang tính tự nguyện ở các làng xã Việt Nam, các nhóm/hội tự nguyện này đã được nhiều nghiên cứu đề cập đến (Trần Từ, 1984; Phan Đại Doãn, 2004; Bùi Thế Cường, 2005; Bé Quỳnh Nga, 2008; Luong, V. Hy, 2010; Mai Văn Hai & Ngô Thị Thanh Quý, 2011; Bùi Quang Dũng & Đặng Việt Phương, 2011; Dang Thi Viet Phuong, 2015; Nguyễn Đức Chiện, 2015). Điều đáng quan tâm là, các nhóm hội tự nguyện này trong cộng đồng hoạt động không tuân theo các văn bản pháp lý về hội đang hiện hành. Theo lý giải của các nghiên cứu này, hội tự nguyện đóng vai trò quan trọng đối với các tương trợ, nhất là về tinh thần đối với thành viên, tạo nên sự cố kết, ổn định và phát triển cộng đồng nông thôn đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn tranh luận về các TCPLN cũng như loại hình của nó. Chính vì vậy, đòi hỏi cần có những nghiên cứu nhận diện và làm rõ về các loại hình tổ chức xã hội này trong đời sống xã hội ở nước ta hiện nay.

2. Quá trình hình thành và phát triển các tổ chức phi lợi nhuận ở Việt Nam

Ở Việt Nam, các tổ chức hoạt động theo hình thức TCPLN đã xuất hiện khá sớm dưới dạng các Hội nghề nghiệp, các Hội ái

hữu, các Quỹ từ thiện, các Tổ chức Phát triển cộng đồng theo nhóm tuổi, theo giới, theo sở thích, theo dòng tộc và nơi cư trú... Đây chính là một bộ phận khá quan trọng của xã hội cổ truyền trong các làng xã Việt Nam. Những tổ chức xã hội này đã đóng vai trò quan trọng trong các giai đoạn phát triển khác nhau của lịch sử, trong cả thời chiến lẫn thời bình, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, bên cạnh những tổ chức xã hội truyền thống, Việt Nam bắt đầu phát triển các TCPLN mang sắc thái phương Tây. Các nghiệp đoàn, các tổ chức học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật phương Tây, các tổ chức từ thiện dưới sự hỗ trợ của các nhà thờ Thiên Chúa giáo... Ở Việt Nam, bắt đầu hình thành các loại tổ chức có tính phi lợi nhuận gồm: tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO), tổ chức phi chính phủ trong nước (LNGO) và TCPCP thuộc các chủ thể xã hội khác. Các TCPCP trong đó có INGO đã vào Việt Nam từ nhiều thập kỷ qua, tồn tại và phát triển gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể của Việt Nam. Trước tháng 5/1975, giai đoạn này có khoảng 63 INGO hoạt động tại Việt Nam (các TCPCP này hoạt động chủ yếu tại miền Nam, miền Bắc nhận sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa thông qua nhiều Hội hữu nghị khác nhau). Năm 1965, viện trợ cho nhân dân Việt Nam bị thiệt hại từ chiến tranh đã tăng lên từ các nước phương Tây và từ một số INGO. Các tổ chức này đã gửi nhiều chuyến hàng viện trợ cho những vùng thiệt hại do bị Mỹ ném bom vào các công trình công cộng.

Từ năm 1975 - 1979, do chính sách cấm vận của Mỹ, hầu hết các cơ quan phi chính phủ đã đóng cửa văn phòng, rút các nhân

viên người nước ngoài về nước. Đến năm 1979, một số INGO có văn phòng ở Thái Lan, Lào đã nối lại viện trợ nhân đạo, cứu trợ cho Việt Nam. Đến năm 1978, Việt Nam đã có 70 TCPLN, INGO hoạt động. Giá trị viện trợ đạt 30 triệu USD cho 20 tỉnh/thành phố. Trên cơ sở này, Bộ Tài chính lập ban tiếp nhận viện trợ để tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận viện trợ từ các INGO. Đây là giai đoạn các TCPCP được hiểu như các TCPLN tổ chức sơ khai, nhằm tiếp nhận viện trợ để tái thiết kinh tế, xã hội sau chiến tranh.

Từ năm 1980, Việt Nam bắt đầu mở rộng quan hệ quốc tế, thực hiện chính sách đổi mới, phá vỡ sự bao vây, cấm vận, thay đổi này tạo ra nhiều cơ hội mới cho các INGO giúp đỡ Việt Nam. Nhiều TCPCP đã cử đại diện đến Việt Nam. Năm 1989, Ban Điều phối viện trợ nhân dân (PACCOM) thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được thành lập để làm đầu mối cho các INGO hoạt động trở lại, mở rộng các lĩnh vực cung ứng dịch vụ xã hội. Nếu chỉ tính riêng INGO hoạt động ở Việt Nam, giai đoạn từ sau Đổi mới (1986) chỉ có 20 TCPCP hoạt động, sau 7 năm số tổ chức này lên đến 30 TCPCP. Trong hơn 30 năm, từ năm 1986 - 2018, có khoảng 1.000 TCPCP đang hoạt động ở Việt Nam với tổng giá trị tài trợ là 3,7 triệu USD.

Ở Việt Nam, thuật ngữ “phi lợi nhuận” cũng mới xuất hiện trong thời gian gần đây, bao gồm: các tổ chức nhân đạo, doanh nghiệp xã hội, tổ chức từ thiện, quỹ, hội, TCPCP... nhằm phục vụ cho lợi ích cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng khó khăn, yếu thế. Đến nay, vẫn chưa có Luật về TCPLN, tuy nhiên các TCPLN ở Việt Nam phải chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của hệ thống pháp luật hiện hành, như: Luật Các tổ chức phi

lợi nhuận, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập, Luật Rửa tiền...

Trong vài năm trở lại đây, mô hình doanh nghiệp phi lợi nhuận cũng đã manh nha xuất hiện, nhưng vẫn chưa mấy thành công. Theo quy định pháp luật, các tổ chức/doanh nghiệp phi lợi nhuận chỉ cần sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm tái đầu tư thực hiện các mục tiêu xã hội đã đăng ký, phần còn lại có thể vẫn được chia về cho chủ sở hữu/cổ đông. Tuy nhiên, có chuyên gia cho rằng, chính việc không cần sử dụng cả 100% lợi nhuận tạo ra để tái đầu tư như trên đã góp phần tạo ra mâu thuẫn trong cách vận hành của mô hình phi lợi nhuận, cũng như ảnh hưởng phần nào tới niềm tin của xã hội vào các tổ chức/doanh nghiệp phi lợi nhuận.

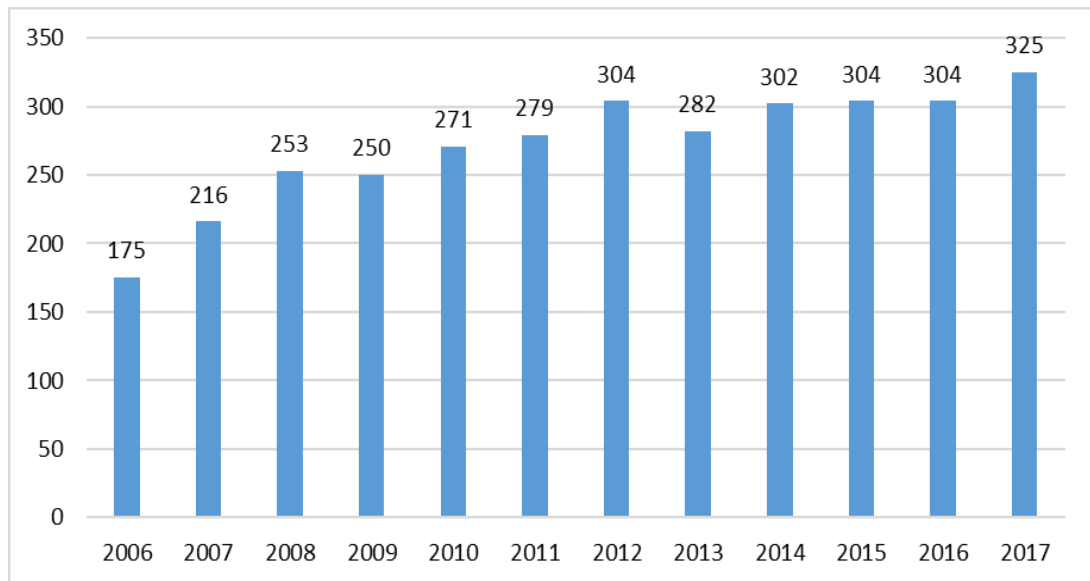
2.1. Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Theo số liệu của Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ quốc tế (2018), các INGO có quan hệ với Việt Nam khá sớm. Từ tháng 4/1975, phần lớn số INGO chấm dứt hoạt động ở miền Nam Việt Nam. Nhưng sau đó, các TCPCP đã dần trở lại Việt Nam, đến năm 1978 đã có 70 TCPCP đặt quan hệ với Việt Nam, giá trị viện trợ khoảng 30 triệu USD/năm, chủ yếu là viện trợ nhân đạo (lương thực, thuốc men...), giúp khắc phục hậu quả chiến tranh. Đặc biệt kể từ năm 1986, nhờ chính sách Đổi mới và chủ trương hội nhập quốc tế, hiệu quả hợp tác với các TCPCP quốc gia và quốc tế được nâng cao, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau; quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước và với nhiều INGO ngày càng gia tăng. Trong giai đoạn 1986 - 1992, có từ 70 - 100 INGO

hoạt động ở Việt Nam với tổng giá trị viện trợ khoảng 20 - 30 triệu USD/năm. Trong hơn 10 năm (từ 1994 - 2006), số lượng các TCPCP có quan hệ với Việt Nam đã tăng gấp 3 lần, từ 210 tổ chức vào năm 1994 lên khoảng 650 tổ chức vào năm 2006. Trong

số đó, có trên 500 tổ chức có hoạt động thường xuyên, có dự án và đối tác Việt Nam. Giá trị viện trợ năm 1993 là 40 triệu USD, đến năm 2002 là 85 triệu USD, năm 2004 là 140 triệu USD, năm 2005 là 175 triệu USD, năm 2006 là 217 triệu USD.

Hình 1: Số lượng tổ chức phi chính phủ quốc tế ở Việt Nam



Nguồn: Nguyễn Đức Chiện, 2020

Các TCPCP quốc tế ở Việt Nam phát triển ổn định và hoạt động ở hầu hết các tỉnh/thành với nhiều lĩnh vực khác nhau như: xóa đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, sức khỏe, giáo dục, phát triển kinh tế. Một số tổ chức hoạt động tại Việt Nam từ những năm 90 của thế kỷ XX. Điều này cho thấy, các INGO góp phần xây dựng xã hội ổn định và phát triển. Theo số liệu thu thập được, các lĩnh vực chủ yếu hoạt động của các INGO ở Việt Nam bao gồm: y tế (22,5%), giáo dục (12,3%), phát triển kinh tế (21,8%), hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội (22,8%).

Bảng 1 cho thấy, nhiều loại hình INGO uy tín đã có mặt ở Việt Nam trong những thập kỷ gần đây. Chẳng hạn, World Vision là một TCPLN được thành lập ở Hoa Kỳ năm 1950, có văn phòng tại gần 100 quốc gia. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của World Vision là phát triển cộng đồng (sinh kế, bảo vệ trẻ em, kinh tế vi mô, dinh dưỡng, nước sạch, xây dựng năng lực ứng phó với điều kiện hoàn cảnh khó khăn tại địa phương cho đối tác, cứu trợ xã hội), các dự án đặc biệt (phòng chống buôn bán người, phòng chống buôn bán nô lệ thời hiện đại...).

Bảng 1: Minh họa một số tổ chức phi lợi nhuận quốc tế điển hình ở Việt Nam

Tên tổ chức	Nguồn gốc	Thời gian	Các mảng hoạt động
World Vision	Hoa Kỳ, có văn phòng tại gần 100 quốc gia.	Năm 1950, (ở Việt Nam từ năm 1988 đến 2021).	Phát triển cộng đồng (sinh kế, bảo vệ trẻ em, kinh tế vi mô, dinh dưỡng, nước sạch, xây dựng năng lực ứng phó với điều kiện hoàn cảnh khó khăn tại địa phương cho đối tác, cứu trợ xã hội), các dự án đặc biệt (phòng chống buôn bán người, phòng chống buôn bán nô lệ thời hiện đại...).
	Tây Ban Nha, có mặt khoảng 75 quốc gia.	Năm 1954, (nhưng năm 1993 mới thành lập văn phòng chính thức).	• Dự án Giáo dục. • Dự án dinh dưỡng và sức khỏe. • Dự án Xây dựng khả năng chống chịu với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. • Tạo ra các thành phố an toàn với khả năng tiếp cận việc làm tốt. • Ngăn chặn mọi hình thức bạo lực và các hành vi có hại.
Save the Children	Vương quốc Anh có mặt tại 120 nước trên thế giới.	Năm 1919, (có mặt tại Việt Nam từ năm 1990).	Giáo dục, bảo vệ trẻ em, quyền trẻ em, dinh dưỡng và sức khỏe, nước sạch, xây dựng năng lực ứng phó với điều kiện hoàn cảnh khó khăn tại địa phương cho đối tác.
Child Fund	Hoa Kỳ	Từ 1938, (có mặt tại Việt Nam từ năm 1995).	Phát triển cộng đồng (tiếp cận giáo dục có chất lượng; sự tham gia của trẻ em và bảo vệ trẻ em; khả năng tự thích ứng và lãnh đạo của thanh thiếu niên; cộng dân tích cực, cộng đồng khỏe mạnh).
JICA	Dựa trên 1 tổ chức cũ thuộc Bộ Ngoại giao Nhật Bản.	Từ năm 1974, (có mặt tại Việt Nam từ năm 2002).	Tại Việt Nam, kể từ khi bắt đầu triển khai Chương trình này vào năm 2002 cho tới tháng 4/2020, JICA đã và đang thực hiện 143 dự án trong nhiều lĩnh vực như: cải thiện hệ thống cấp và thoát nước, tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng, phát triển nông nghiệp nông thôn, chăm sóc y tế, quản lý môi trường, đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp phụ trợ...

KOICA	Hàn Quốc, dưới sự quản lý trực tiếp của Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.	Năm 1994 đến nay.	Các chương trình hỗ trợ phát triển chính thức và chương trình hợp tác kỹ thuật mà KOICA Hàn Quốc thông qua KOICA Việt Nam dành cho Chính phủ Việt Nam.
	Oxfam thành lập tại Oxford, Anh quốc năm 1942, hiện đang hoạt động tại 67 quốc gia trong 7 khu vực.	Năm 1955, (có mặt tại Việt Nam năm 1980).	Các hoạt động chính: Mục tiêu thay đổi của Việt Nam 1. Quản trị tốt. 2. Quyền của phụ nữ. 3. Chống chịu với thiên tai. 4. Quyền về tài nguyên. 5. Quyền công dân tích cực.

Nguồn: Nguyễn Đức Chiện, 2020

Plan International là TCPLN được thành lập từ năm 1937 tại Tây Ban Nha, có văn phòng toàn cầu tại Vương quốc Anh, hiện có mặt ở 75 quốc gia. Tổ chức này xuất hiện tại Việt Nam từ năm 1954, nhưng đến năm 1993 mới thành lập văn phòng chính thức với hoạt động chủ yếu là các dự án phát triển thuộc lĩnh vực giáo dục, dinh dưỡng và sức khỏe, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, tạo ra các thành phố an toàn với khả năng tiếp cận việc làm tốt, ngăn chặn mọi hình thức bạo lực và các hành vi có hại.

Tổ chức Oxfam được thành lập tại thành phố Oxford, Vương quốc Anh năm 1942, hiện đang hoạt động tại 67 quốc gia trong 7 khu vực. Hoạt động đầu tiên của Oxfam tại Việt Nam diễn ra vào năm 1955, liên quan đến cung cấp hỗ trợ nhân đạo. Từ cuối những năm 1980, Oxfam đã thực hiện nhiều dự án phát triển trên khắp Việt Nam, nhất là về lĩnh vực xóa đói giảm nghèo. Hiện nay, hoạt động chính của Oxfam tập trung vào các “Mục tiêu thay đổi của Việt Nam”, bao gồm: quản trị tốt, quyền của phụ nữ, chống

chịu với thiên tai, quyền về tài nguyên, quyền công dân tích cực.

Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) thành lập ngày 1/10/2003 tại Nhật Bản (dựa trên 1 tổ chức cũ thuộc Bộ Ngoại giao Nhật Bản thành lập năm 1974). Tại Việt Nam, kể từ khi bắt đầu triển khai chương trình này vào năm 2002 cho tới tháng 4/2020, JICA đã và đang thực hiện 143 dự án trong nhiều lĩnh vực như: cải thiện hệ thống cấp và thoát nước, tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng, phát triển nông nghiệp nông thôn, chăm sóc y tế, quản lý môi trường, đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp phụ trợ...

Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) thành lập năm 1991, với phương châm “Vì một thế giới tốt đẹp hơn”, là cơ quan chuyên thực hiện các chương trình viện trợ không hoàn lại cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Đây là cơ quan trực thuộc chính phủ, nằm dưới sự quản lý trực tiếp của Bộ Ngoại giao Hàn Quốc. Hiện nay, KOICA đang hỗ trợ cho 160 nước, có văn phòng đại diện ở 23 nước trên thế giới. Văn phòng đại diện KOICA

Việt Nam được thành lập năm 1994 và đi vào hoạt động từ đó đến nay.

Có thể thấy, có nhiều loại hình TCPLN nước ngoài ở Việt Nam và các TCPLN này vẫn tiếp tục gia tăng, cả về số lượng và lĩnh vực hoạt động. Các TCPLN cũng thay đổi quy mô, lĩnh vực hoạt động, không chỉ tập trung vào các lĩnh vực truyền thống liên quan đến phát triển cộng đồng, mà còn đầu tư vào dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục, văn hóa... Các TCPLN này có thể trực tiếp cung cấp các dịch vụ, hoặc có thể cung cấp vốn cho các dự án TCPLN khác (thí dụ như các quỹ phi lợi nhuận, trong đó Quỹ Bill & Melinda Gates là một điển hình cung cấp tài chính cho các TCPLN khác). Các TCPLN có thể nhận được sự hỗ trợ từ nhà nước về vật chất, tinh thần và điều kiện hoạt động.

Với chủ trương và chính sách của Việt Nam là khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội vào công cuộc phát triển, hiện đại hóa xã hội, các loại hình TCPLN thể hiện dưới dạng các quỹ phát triển, quỹ từ thiện, cơ sở bảo trợ xã hội, doanh nghiệp xã hội, các tổ chức tôn giáo, các hội/câu lạc bộ ngày càng gia tăng. Điều đáng lưu ý là các loại hình quỹ, cơ sở bảo trợ, có thể do nhà nước, một hoặc nhiều tổ chức, hoặc cá nhân thành lập. Một tổ chức nước ngoài hoặc cá nhân có thể thành lập và điều hành một cơ sở bảo trợ xã hội tại Việt Nam. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở bảo trợ xã hội tại Việt Nam. Cục Bảo trợ xã hội quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội và thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các TCPCP quốc tế được thành lập ở nước ngoài nhưng hoạt động tại Việt Nam, tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.2. Các tổ chức phi chính phủ trong nước

Bên cạnh các TCPCP quốc tế, ở Việt Nam còn có hệ thống các TCPCP trong nước, các hội, quỹ... hoạt động dưới sự quản lý của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Bộ Nội vụ. Theo báo cáo của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, năm 1983, khi Liên hiệp Hội được thành lập chỉ có 15 hội thành viên. Tuy nhiên, đến cuối năm 2019, số hội thành viên đã lên tới 148, trong đó có 86 hội ngành toàn quốc, và 63 Liên hiệp hội tại 63 tỉnh thành. Ngoài ra, Liên hiệp Hội hiện đang quản lý hơn 500 tổ chức/đơn vị đăng ký hoạt động với mục đích nghiên cứu khoa học và công nghệ, và khoảng 200 tạp chí, báo, tập san, báo điện tử...

Trong khi đó, Bộ Nội vụ là một cơ quan chịu trách nhiệm quản lý đối với hội, quỹ và TCPCP tại Việt Nam. Theo số liệu báo cáo, hiện tại Việt Nam có 542 hội và 72 quỹ với phạm vi hoạt động cả nước (Nguyễn Đức Chiện, 2020). Nếu tính số hội ở cả cấp địa phương thì theo báo cáo từ 35/63 tỉnh/thành, đến tháng 3/2020 cả nước có 32.744 hội và 1.229 quỹ đang hoạt động. Các lĩnh vực hoạt động của các hội và quỹ này rất đa dạng: xóa đói giảm nghèo, chuyển giao công nghệ, nâng cao dân trí, chăm sóc y tế, phổ cập giáo dục, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, chữ thập đỏ, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững... Bên cạnh những tổ chức thành lập có giấy tờ có tính pháp lý, ở Việt Nam còn có hàng trăm các hội được thành lập tự phát, không có tư cách pháp nhân đang hoạt động để hỗ trợ các nhóm yếu thế, giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh hiện nay.

Hiện nay, ở Việt Nam có nhiều TCPLN do nhà nước hỗ trợ, điều đáng quan tâm là loại hình TCPLN đa dạng trên mọi lĩnh

vực, dưới dạng các quỹ và trung tâm hỗ trợ phát triển. Điểm chung là, các tổ chức này đều hướng đến hỗ trợ trong các chương trình phát triển. Tuy nhiên, mỗi TCPLN được thành lập với mục tiêu, phương hướng và chương trình hoạt động riêng. Chẳng hạn, *Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam* là quỹ duy nhất của nhà nước được thành lập ngày 04/5/1992 theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (nay là Luật trẻ em 2016) với nhiều chương trình hỗ trợ như Chương trình “Vì Trái tim trẻ thơ”. Từ năm 2002 đến nay, Quỹ đã hỗ trợ phẫu thuật và cứu sống cho gần 2.000 trẻ em bị

dị tật tim bẩm sinh, với tổng kinh phí hỗ trợ là hơn 80 tỷ đồng. Bên cạnh đó, có thể kể đến: Chương trình hỗ trợ trẻ em khuyết tật, đặc biệt là trẻ em là nạn nhân chất độc da cam; Chương trình phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ dị tật vận động; Chương trình “Vì nụ cười trẻ thơ; Chương trình “Ánh mắt trẻ thơ”; Chương trình “Cấp phát sữa và các sản phẩm dinh dưỡng”; Chương trình hỗ trợ học bổng cho trẻ em con thương binh, liệt sĩ và trẻ em nghèo hiếu học, học giỏi; Chương trình hỗ trợ quyền được bảo vệ; Chương trình hỗ trợ quyền được tham gia...

Bảng 2: Minh họa một số tổ chức phi lợi nhuận điển hình trong nước phân theo loại hình

Loại hình	Tên tổ chức	Nguồn gốc	Thời gian bắt đầu và kết thúc	Các mảng hoạt động
Quỹ	Nafosted	Bộ Khoa học và Công nghệ.	Từ năm 2003 - nay.	Tài trợ, hỗ trợ chương trình nghiên cứu nghiên cứu cơ bản, ứng dụng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội...
	Quỹ Tài năng trẻ.	Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam.	Từ năm 1993 - nay.	Hỗ trợ, trao học bổng cho thanh niên, sinh viên phát triển tài năng, trí tuệ.
	Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Từ năm 1992 - nay.	Thực hiện các chương trình hỗ trợ cho trẻ em hòa nhập, thích ứng xã hội.
Các cơ sở bảo trợ xã hội	Cơ sở bảo trợ xã hội, chăm sóc người khuyết tật.	Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Thành lập năm 1976 - nay.
	Trung tâm Điều dưỡng phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì.	Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		Có chức năng, nhiệm vụ chính là tiếp nhận, quản lý, điều trị, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng cho người mắc bệnh tâm thần mãn tính theo chế độ, chính sách của Nhà nước và

				quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
	Cơ sở bảo trợ xã hội Thảo Đàn.	Tp. Hồ Chí Minh.	Từ năm 2008 - nay.	Chăm sóc, hỗ trợ và bảo vệ trẻ em đường phố ở Tp. Hồ Chí Minh.
Viện/ trung tâm nghiên cứu	Viện Nghiên cứu phát triển xã hội (ISDS).	Việt Nam	Viện Nghiên cứu phát triển xã hội (ISDS).	Nghiên cứu; vận động chính sách; chia sẻ thông tin; xây dựng năng lực của tổ chức với các mảng vấn đề như giới và tình dục; hòa nhập xã hội; luật và chính sách; kinh tế và công bằng thương mại...
	Thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên.	Việt Nam	Từ năm 2001 - nay Trung tâm tư vấn Linh Tâm (1997).	Hoạt động vì quyền của nhóm phụ nữ bị phân biệt đối xử và bạo lực trên cơ sở giới. Các hoạt động chính bao gồm: tư vấn; truyền thông thay đổi xã hội; vận động chính sách; kết nối mạng lưới.
	Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững.	Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam.	Từ năm 2004 - 2021.	Hoạt động trong lĩnh vực: đào tạo, tư vấn phản biện xã hội và nghiên cứu, triển khai các đề tài khoa học và công nghệ phục vụ nhiệm vụ bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.
Nhóm, hội	Hội bảo vệ quyền trẻ em.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.	Từ năm 2008 - 2021.	Bảo vệ quyền trẻ em, ngăn chặn hành vi xâm hại đối với trẻ em.
	Câu lạc bộ Hòa nhập của phụ nữ khuyết tật Hà Nội.	Hội Liên hiệp Phụ nữ Tp. Hà Nội.		Tuyên truyền, nâng cao mọi mặt đời sống cho phụ nữ khuyết tật.
	Hội Bác ái.	Giáo phận Thiên Chúa giáo huyện Hải Hậu, Nam Định.	Từ năm 2014 - 2021.	Hỗ trợ, giúp đỡ nhóm yếu thế trong cộng đồng.

Nguồn: Nguyễn Đức Chiện, 2020

Các cơ sở bảo trợ trợ giúp xã hội cho các nhóm đối tượng cũng có loại hình công lập và loại hình ngoài công lập, cụ thể: Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội; Trung tâm công tác xã hội thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội.

Một ví dụ điển hình khác là Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội (ISDS), một tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ, trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam, được thành lập vào tháng 5/2002. ISDS là một trong những cơ quan nghiên cứu khá uy tín ở Việt Nam trong ứng dụng kiến thức khoa học vào việc giải quyết các vấn đề xã hội, vừa cung cấp kiến thức vừa tạo ảnh hưởng dẫn đến thay đổi tích cực. Các hoạt động chính của ISDS là: nghiên cứu, vận động chính sách, chia sẻ thông tin, xây dựng năng lực của tổ chức... trong đó, tập trung vào các mảng vấn đề giới và tình dục, bảo trợ xã hội, hòa nhập xã hội, công bằng thương mại.

Ngoài ra, còn có một số loại hình TCPLN khác. Chẳng hạn, các trường học là doanh nghiệp xã hội, tổ chức tôn giáo, tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định, được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo. Họ cũng được phép tham gia các hoạt động hỗ

trợ cộng đồng phi lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Các loại hình câu lạc bộ là tập hợp những người có cùng sở thích về văn hóa, thể thao, nghệ thuật. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng tuân theo pháp luật của các loại câu lạc bộ đều được khuyến khích phát triển.

3. Kết luận

Như vậy, loại hình TCPLN rất đa dạng (các quỹ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận trong nước, phi lợi nhuận nước ngoài, doanh nghiệp xã hội, các viện, trung tâm, câu lạc bộ, hội...) và hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Đặc biệt, các TCPLN đang tích cực đóng góp vào sự phát triển xã hội như: xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, cùng với Nhà nước tham gia cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nâng cao tri thức, chăm sóc sức khỏe...), vai trò trong phát triển cộng đồng.

Kết quả khảo sát gần đây (Nguyễn Đức Chiện, 2020) cũng cho thấy, người dân hưởng lợi trực tiếp và cộng đồng đánh giá rất tích cực về vai trò của TCPLN trong việc cung ứng các dịch vụ xã hội, các hợp phần phát triển cộng đồng, thực hiện những chương trình, dự án hỗ trợ, các dịch vụ xã hội cơ bản mang tính lâu dài cho phát triển địa phương. Điều đáng quan tâm là, các tổ chức, nhóm/ hội ở trong và ngoài cộng đồng hiện nay rất tích cực và tự nguyện đóng góp, kêu gọi ủng hộ các quỹ và nguồn lực hỗ trợ cho cuộc sống người dân, giúp người dân được hưởng lợi. Các TCPLN này còn thường xuyên triển khai những đợt

hỗ trợ cho nhóm yếu thế trong cộng đồng vào dịp lễ, tết, thực hiện các gói hỗ trợ đột xuất đến người dân và cộng đồng gặp rủi ro bất thường trong cuộc sống, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển bền vững ở các địa phương.

Sự gia tăng các TCPLN ở các địa phương hiện nay, đặc biệt các TCPLN trong nước là xu hướng tất yếu của sự phát triển, trong bối cảnh Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, điều này cũng tương tự xu hướng của các quốc gia phát triển trước đây. Hoạt động của các loại hình TCPLN đang diễn ra rất mạnh, nhất là thời điểm cộng đồng địa phương gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh, huy động các nguồn lực vật chất, tài chính của các doanh nghiệp, kêu gọi sự tham gia đóng góp của người dân trong cộng đồng để thành lập nguồn quỹ thực hiện các hoạt động mang tính dịch vụ xã hội, trợ giúp hiện vật cho các nhóm yếu thế hàng năm... Các hoạt động này không chỉ huy động các nguồn lực vật chất, tài chính vốn có trong cộng đồng mà còn phát huy tính cộng đồng, tinh thần tương thân, tương ái của mỗi người dân trong cuộc sống, tạo sự gắn kết và bầu không khí đồng thuận cao trong mỗi cộng đồng. Có thể nói, nhiều TCPLN là tổ chức phi nhà nước nhưng lại được nhìn như một cánh tay mới, có vai trò thực hiện các hoạt động ở cộng đồng mà nhà nước chưa thể đảm trách tốt trong bối cảnh đất nước đang trong giai đoạn quá độ. Tuy nhiên, một số kết quả nghiên cứu gần đây (Nguyễn Đức Chiện, 2020) cho thấy, TCPLN cũng chưa phát huy tối đa vai trò trong cung ứng dịch vụ, trợ giúp, hỗ trợ phát triển cộng đồng, có

hiện tượng lợi dụng danh nghĩa TCPLN để kiếm lời, hoạt động mang tính hình thức, thiếu minh bạch, công bằng... Việc tổ chức hoạt động, cũng như vai trò của TCPLN ở các địa phương cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm từ góc độ phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội. Sự tồn tại, hiện diện và hoạt động của TCPLN chưa hẳn theo sứ mệnh và đáp ứng mong đợi của xã hội; hoạt động của một số TCPLN ở địa phương nhiều khi mang tính tự phát, chưa quan tâm đến hướng phát triển lâu dài, chưa biết huy động tối đa các nguồn lực cho hoạt động của một tổ chức xã hội. Vấn đề nguồn nhân lực của tổ chức vẫn còn nhiều hạn chế như: chuyên môn, đạo đức, tác nghiệp còn thiếu tính chuyên nghiệp. Cơ chế quản lý của một TCPLN nhiều khi mang màu sắc cá nhân người thủ lĩnh, bên cạnh đó thiếu sự quan tâm khích lệ, động viên kịp thời của các cấp chính quyền và tổ chức chính trị ở địa phương; hoặc tình trạng can thiệp thái quá của chính quyền cơ sở vào hoạt động của TCPLN cho các nhóm hưởng lợi ở cộng đồng. Các hoạt động của TCPLN nhiều khi mang tính cơ cực, hoạt động chông chéo, cục bộ... Những vấn đề này được xem là hạn chế và bất cập trong phát triển và quản lý TCPLN ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Chiện (2020), *Báo cáo Đề tài cấp quốc gia “Tổ chức phi lợi nhuận trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam”* mã số KX 01.23/16-20, do Viện Xã hội học chủ trì thực hiện.

2. Nguyễn Đức Chiện (2015), “Mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế hộ gia đình nông thôn hiện nay: phác thảo từ kết quả nghiên cứu định tính tại hai xã đồng bằng sông Hồng”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
3. Bùi Thế Cường (2005), “Các tổ chức xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
4. Phan Đại Doãn (2004), *Mấy vấn đề về văn hóa làng xã Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Bùi Quang Dũng, Đặng Thị Việt Phương (2011), “Các tổ chức xã hội tự nguyện ở nông thôn đồng bằng sông Hồng: liên kết và trao đổi xã hội”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
6. Đoàn Minh Huân (2016), *Quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội theo đường lối Đại hội XII của Đảng*, Hội nghị tổng kết Chương trình Nghiên cứu khoa học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020, Mã số: KX.02/11-15, Hà Nội.
7. Phan Nhạc Linh (2012), “Vai trò của các tổ chức xã hội dân sự qua ý kiến các cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay” Tạp chí *Xã hội học*, số 1.
8. Bế Quỳnh Nga (2008), “Các tổ chức xã hội tự nguyện ở nông thôn và vai trò trợ giúp xã hội trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi” (nghiên cứu trường hợp xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây), Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
9. Nguyễn Quý Nghị (2011), “Sự tham gia của xã hội dân sự trong phát triển xã hội từ thực tiễn đến gợi ý chính sách”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
10. Thang Văn Phúc & Nguyễn Minh Phương (2010), *Vai trò của các tổ chức xã hội đối với Phát triển và Quản lý xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Đặng Thị Việt Phương (2004), “Các trung tâm nghiên cứu và triển khai phi chính phủ ở Việt Nam: một cách đáp ứng nhu cầu”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
12. Đinh Công Tuấn (2016), *Vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong phát triển kinh tế và xã hội ở một số quốc gia trong Liên minh châu Âu*, Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu châu Âu, Hà Nội.
13. Bùi Quang Tuấn, Lại Lâm Anh (2018), “Các tổ chức phi chính phủ quốc tế hoạt động tại Việt Nam: thực trạng, những vấn đề còn tồn tại và một số gợi ý chính sách”, Tạp chí *Phát triển bền vững Vùng*, quyền 8, số 1.
14. Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ (Structure and organization of traditional Northern Vietnamese village)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Brady, Marnie & Trish Tchume (2008), *Making Social Change: Case Studies of Nonprofit Service Providers, Building Movement Project*, New York: Building Movement Project.
16. Hansmann & Henry B. (1987), *Economic Theories of Nonprofit Organization, The nonprofit sector: A research handbook* 1.
17. Luong, V. Hy (2010), *Tradition, revolution, and market economy in a North Vietnamese Village, 1925-2006*, Honolulu: University of Hawaii Press.
18. Dang Thi Viet Phuong (2015), *The collective life: The sociology of voluntary associations in North Vietnamese rural areas*, Hanoi: National University of Hanoi Press.
19. United Nations (2003), *Handbook on Non-Profit Institutions in the System of National Accounts*.